

GIẢI PHÁP PHỤC HỒI NGUỒN TÀI NGUYÊN LÂM SẢN NGOÀI GỖ CÓ GIÁ TRỊ CAO Ở XÃ NHẠM MÔN HUYỆN PÁC NẶM TỈNH BẮC KẠN

LÊ VĂN THÀNH

*Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam
Học viên cao học nhận học bổng Nagao*

MỞ ĐẦU

Trong thời gian qua, những nghiên cứu về lâm sản ngoài gỗ (LSNG) ở trong và ngoài nước đều khẳng định vai trò quan trọng của nó đối với đời sống kinh tế-xã hội ở nông thôn miền núi của nhiều nước, đặc biệt là các nước nhiệt đới.

Ở Việt Nam, việc sử dụng LSNG đã gắn liền với sự sinh tồn của các cộng đồng dân cư, phát triển các làng nghề thủ công truyền thống, góp phần giải quyết công ăn việc làm, tăng thu nhập và cải thiện đời sống. Phan Sinh (2004) cho biết nước ta có khoảng 1.400 làng nghề sản xuất mặt hàng mây tre đan, thu hút hàng triệu lao động, kim ngạch xuất khẩu năm 2003 lên tới 106,42 triệu đô la Mỹ. Tuy nhiên, Việt Nam cũng giống như nhiều quốc gia đang phát triển khác trên thế giới, trong quá trình sử dụng LSNG, ít quan tâm tới quản lý, gây trồng, bảo vệ và phát triển bền vững, dẫn đến nguồn cung cấp nguyên liệu LSNG ngày một khan hiếm, giá nguyên liệu ngày một tăng cao. Ví dụ giá mây năm 2000-2001 khoảng 3.000 đ/kg, năm 2004-2005, trung bình 8.000-9.000 đ/kg, có khi cao tới 12.000 đ/kg. Theo tính toán của nhiều ông chủ trong nghề mây tre đan, thì giá này sẽ tiếp tục còn tăng trong những năm tới vì hiện nay nguyên liệu song mây trong nước gần như cạn kiệt, không đủ đáp ứng nhu cầu cho các làng nghề và các công ty gia công chế biến hàng mây tre đan xuất khẩu. Do đó, trong một vài năm gần đây, nước ta đã phải nhập nguyên liệu song mây từ Lào với giá nguyên liệu cao, lại không ổn định do phụ thuộc vào chính sách xuất khẩu LSNG của nước bạn, kết quả đã ảnh hưởng không nhỏ tới thu nhập của người dân lao động.

Để khắc phục những tồn tại trên cần thiết phải phục hồi lại nguồn LSNG trong nước. Cũng như nhiều địa phương vùng núi và trung du trong cả nước, xã Nhạm Môn, huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn là xã vùng cao. Từ năm 1990 trở về trước, LSNG nơi đây rất đa dạng và phong phú như song, mây, dó trầm..., nhưng trong thời gian thu hái không chú trọng đến sử

dụng bền vững, dẫn đến tài nguyên LSNG bị cạn kiệt, ảnh hưởng nhiều đến thu nhập của người dân địa phương. Chính vì vậy, việc nghiên cứu giải pháp phục hồi nguồn tài nguyên LSNG có giá trị cao là Mây nếp (*Calamus platyacanthus* Warb. Ex. Becc.), Dó trâm (*Aquilaria crassna* Pierre) ở xã Nhạn Môn, huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn là hoàn toàn thiết thực và phù hợp với yêu cầu của xã hội. Báo cáo giới thiệu kết quả xây dựng mô hình chuyển giao kỹ thuật và nhân rộng, phổ biến mô hình phục hồi một số loài cây đặc sản rừng ở xã Nhạn Môn, huyện Pác Nặm, Bắc Kạn.

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Sử dụng phương pháp điều tra nhanh nông thôn (RRA) kết hợp phương pháp đánh giá nông thôn có sự tham gia (PRA) để thu thập các thông tin về phân bố của những loài cây lâm sản ngoài gỗ ở địa phương vào thời gian trước đây.

Kế thừa các công trình nghiên cứu trước, rút ra những bài học kinh nghiệm gây trồng phục hồi cho những loài cây LSNG trong công trình nghiên cứu này bằng các công thức thí nghiệm.

Sử dụng phương pháp chuyên gia: Kế thừa kinh nghiệm và thành quả của người đi trước trong gây trồng và phục hồi tài nguyên LSNG.

Phương pháp thu thập số liệu: Thu thập số liệu bằng cách lập các ô định vị. Các chỉ tiêu đo đếm gồm có đường kính gốc và chiều cao cây. Số lượng cây hoặc cây bụi được đo phải lớn hơn 30. Số liệu thu thập định kỳ 1 lần/năm, thường trùng vào cuối mùa sinh trưởng hàng năm.

Phương pháp xử lý số liệu: Xử lý số liệu bằng thống kê toán học có sự hỗ trợ của phần mềm SPSS và Excel.

MỘT SỐ ĐẶC ĐIỂM CỦA KHU VỰC NGHIÊN CỨU

Bắc Kạn là một tỉnh miền núi, có nhiều tiềm năng và điều kiện phát triển LSNG. Theo số liệu thống kê tính đến ngày 31/12/2003 của Sở NN & PTTN cho thấy:

Diện tích có rừng là 257.703 ha/485.721 ha (diện tích tự nhiên). Trong đó: tre luồng 1.334,4 ha; cây đặc sản khác 3.630,9 ha.

Độ che phủ rừng là 52,2%, đứng thứ 6/64 tỉnh thành trong cả nước.

Đặc biệt, huyện Pác Nặm là huyện miền núi vùng sâu, vùng xa của tỉnh, mới được thành lập theo Nghị định số 56/2003/NĐ-CP ngày 28/5/2003 của Chính phủ trên cơ sở 10

xã phía Bắc của huyện Ba Bể. Đồng bào ở đây chủ yếu là dân tộc ít người, đời sống còn gặp nhiều khó khăn, cả 10 xã đều xếp vào các xã đặc biệt khó khăn và thuộc diện khó khăn nhất của tỉnh Bắc Kạn, tỷ lệ đói nghèo chiếm tới 32,23%. Huyện có tổng diện tích đất tự nhiên 47.364 ha, trong đó: đất lâm nghiệp chiếm 85,54%, đất nông nghiệp chiếm 7,8%, còn lại là đất khác. Rừng ở đây chủ yếu là rừng đang trong giai đoạn phục hồi sau nương rẫy và khai thác cạn kiệt.

Như vậy, tiềm năng LSNG, rừng và đất rừng của tỉnh Bắc Kạn nói chung và huyện Pác Nặm nói riêng là rất lớn, nhưng hiện nay vẫn chưa được khai thác, sử dụng một cách hợp lý cũng như đầu tư nghiên cứu để phát triển mở rộng tạo vùng sản xuất LSNG, tạo công ăn việc làm, tăng thu nhập, góp phần nâng cao đời sống, xóa đói giảm nghèo cho người dân trong vùng. Vì vậy, để khai thác được những tiềm năng đó và tận dụng tối đa điều kiện tự nhiên thì trước mắt trong thời điểm này cần phải:

- Tuyển chọn và phục hồi ngay một số loài cây LSNG thích hợp, có giá trị kinh tế, có thị trường tiêu thụ rộng rãi để gây trồng phát triển theo hướng tập trung với cường độ thâm canh và năng suất cao.

- Xây dựng một số quy trình kỹ thuật và chuyển giao cho người dân địa phương giúp người dân có đủ điều kiện tham gia tích cực vào việc thúc đẩy và phát triển LSNG cho tỉnh.

Sau khi khảo sát điều kiện tự nhiên, tình hình sử dụng và quản lý bảo vệ rừng, đất rừng ở một số xã trong huyện Pác Nặm, dự án chọn xã Nhạn Môn để triển khai thực hiện.

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Tập huấn kỹ thuật gây trồng phục hồi

Dự án đã tập huấn cho 31 hộ gia đình làm hạt nhân gây trồng phát triển các loài cây LSNG đã chọn từ chọn điều kiện gây trồng, phát dọn thực bì, làm đất, trồng, chăm sóc...

Xây dựng mô hình thử nghiệm

Tháng 11/2004, công trình bắt đầu được thực hiện. Qua điều tra ngoài thực địa, phỏng vấn các cá nhân và hộ gia đình trong xã Nhạn Môn thu được kết quả:

- 100% người dân được hỏi có độ tuổi từ 25 trở lên cho biết: khoảng từ những năm 1990 trở về trước địa phương có trữ lượng song, mây, dó trầm... tương đối lớn. Sau khoảng thời gian từ 1991-1995, do khai thác không chú trọng đến bảo tồn và phát triển dẫn đến hậu quả hiện nay song, mây, dó trầm và nhiều loài cây LSNG khác gần như kiệt quệ.

- Kết quả điều tra 12 ô tiêu chuẩn ngoài thực địa cho thấy: không có một cây mây

nào còn sót lại, cây song mật còn 2 cây có chiều cao trung bình 2,3 m.

Từ những kết quả điều tra trên cho thấy, xã Nhạn Môn thuộc vùng phân bố tự nhiên của song, mây, dó trầm... Kết hợp với nhu cầu LSNG của thị trường trong thời điểm hiện tại cũng như sau này các loài cây như: song mật, mây nếp, dó trầm, thảo quả đã được chọn gây trồng phục hồi vào mùa trồng rừng từ tháng 6-9/2005. Các công thức thí nghiệm phục hồi các loài cây LSNG được đưa ra nhằm so sánh, đánh giá hiệu quả của các biện pháp thí nghiệm, từ đó đưa ra các công thức hiệu quả bao gồm:

– Mô hình phục hồi mây nếp có hai công thức thí nghiệm: Công thức 1: 3.300 khóm/ha (3.300 cây/ha), 1 cây/hố, cây cách cây 1 m, hàng cách hàng 3 m, diện tích phục hồi là 12,5 ha. Công thức 2: 1.650 khóm/ha (3.300 cây/ha), 2 cây/hố, cây cách cây 2 m, hàng cách hàng 2 m, diện tích phục hồi là 12,5 ha.

– Mô hình phục hồi song mật có hai công thức thí nghiệm: Công thức 1: 500 cây/ha, 1 cây/hố, cây cách cây 4 m, hàng cách hàng 5 m, diện tích phục hồi 2,5 ha. Công thức 2: 500 cây/ha, 1 cây/hố, cây cách cây 2 m, hàng cách hàng 10 m, diện tích phục hồi 2,5 ha.

– Mô hình phục hồi dó trầm có hai công thức thí nghiệm: Công thức 1: 500 cây/ha, cây cách cây 4 m, hàng cách hàng 5 m, diện tích phục hồi 2,5 ha. Công thức 2: 1.100 cây/ha, cây cách cây 3 m, hàng cách hàng 3 m, diện tích phục hồi 2,5 ha.

– Mô hình phục hồi thảo quả có một công thức thí nghiệm: 833 cây/ha, 1 cây/hố, cây cách cây 3 m, hàng cách hàng 4 m, diện tích gây trồng 5 ha.

Tính đến nay, tuổi rừng trồng song mật, mây nếp, dó trầm, thảo quả trung bình được 3,5 tháng tuổi. Do đây là những loài cây lâm nghiệp lâu năm, chính vì vậy sinh trưởng chiều cao và đường kính của cây trồng hầu như chưa thay đổi so với khi trồng, nên thời điểm này nhóm nghiên cứu mới chỉ kiểm tra đánh giá tỷ lệ sống của rừng trồng phục hồi chứ chưa thể so sánh đánh giá sinh trưởng của cây trồng giữa các công thức thử nghiệm bằng thống kê toán học, kết quả tỷ lệ đạt sống cao, đạt trên 95%.

KẾT LUẬN

Qua điều tra nghiên cứu kết quả các loài cây song mật, mây nếp, dó trầm, thảo quả được chọn gây trồng phục hồi, đã tập huấn cho người dân địa phương kỹ thuật trồng, chăm sóc..., kết quả người dân tiếp thu tốt, rừng trồng đạt tỷ lệ sống cao, trên 95%.

Do cây mới trồng nên chưa có kết quả so sánh đánh giá về sinh trưởng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Cục Khuyến nông và Khuyến lâm, 2001. Trồng cây nông nghiệp, dược liệu và đặc sản dưới tán rừng. NXB Nông nghiệp, Hà Nội.
2. Cục Phát triển Lâm nghiệp, 2001. Tài liệu tập huấn kỹ thuật cho khuyến nông viên xã miền núi. NXB Nông nghiệp, Hà Nội.
3. Vũ Văn Dũng và Lê Huy Cường, 1996. Gây trồng và phát triển mây song. NXB Nông nghiệp, Hà Nội.
4. Triệu Văn Hùng, Nguyễn Xuân Quát và Hoàng Chương, 2002. Kỹ thuật trồng một số loài cây đặc sản rừng. NXB Nông nghiệp, Hà Nội.
5. Lã Đình Mỗi, Nguyễn Thị Thủy và Phạm Văn Thính, 1995. Vấn đề nghiên cứu và bảo vệ tài nguyên thực vật và sinh thái núi cao Sa Pa.
6. Đoàn Thi Nhu, 1992. Bảo vệ, khai thác nguồn tài nguyên cây thuốc thiên nhiên và phát triển trồng cây thuốc trên đất rừng. *Tạp chí Lâm nghiệp*, số 8.
7. Trần Quang Việt, 1995. Báo cáo kết quả nghiên cứu kỹ thuật gây trồng song mật. Viện Khoa học Lâm nghiệp.
8. L.S. de Padua, R.H.M.J. Lemmens, 1999. Plant Resources of South-East Asia. Bogor Indonesia, No. 12 (1).

SOLUTION TO RESTORE HIGH VALUE NTFPS IN NHAN MON COMMUNE, PAC NAM DISTRICT, BAC KAN PROVINCE

LE VAN THANH

*Forest Science Institute of Vietnam
NAGAO Scholarship Award*

Nhan Mon Commune, Pac Nam District, Bac Kan Province, is a highland village. Before 1990, non-timber forest products here were very much diverse and abundant, namely rattan, cane and *Aquilaria crassna* Pierre. Nevertheless, along time of harvesting without paying attention to sustainable use has resulted in depletion of non-timber forest products run out, thus greatly affecting on the local's live hoods. That is the reason why the

research on solutions to restore source of non – timber forest products of high value is needed.

Our research finding show that the following plants for namely: *Calamus tetradactylus* Hance, *Calamus platyacanthus*, *Aquilaria crassna* Pierre and *Amomum aromaticum* Roxb.

Owing to the fact that the plants have just been grown, their growth, in terms of heights and diameters, can not be tested by using mathematical statistics.